

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC/MÔ ĐUN

Lớp: **TMT22B2** Năm học: **22-23**
Mã môn học/ Mô đun: **MH02104** Học kỳ: **01**
Tên môn học/ Mô đun: **Kiến trúc máy tính**
Số tín chỉ: **2**

STT	MSHS	Họ tên	Ngày sinh	Hệ số 1			Hệ số 2			ThiL1	ThiL2	ĐMH/ MD
1	2254801022263	Lê Minh An	27/11/2007			8	6.0	7.0		5.0		5.7
2	2254801022264	Nguyễn Tuấn Đạt	13/09/2007			0	0.0	0.0		0.0	0.0	0.0
3	2254801022265	Nguyễn Ngọc Giàu	22/10/2007			8	6.0	7.0		5.0		5.7
4	2254801022266	Mo Ham Mach Jia Haj	12/12/2007			0	0.0	0.0		0.0	0.0	0.0
5	2254801022267	Nguyễn Lý Anh Hào	15/11/2007			8	6.0	7.0		5.5		6.0
6	2254801022268	Dương Gia Hiếu	22/10/2007			8	6.0	7.0		4.5		5.4
7	2254801022269	Mu Ham Mad So Ly Hin	07/07/2007			0	0.0	0.0		0.0	0.0	0.0
8	2254801022270	Nguyễn Thanh Hoàng	24/09/2006			8	8.0	8.0		5.8		6.7
9	2254801022271	Mu Ha Mach Fa Ix	26/04/2007			0	0.0	0.0		0.0	0.0	0.0
10	2254801022272	Phùng Trọng Khả	01/01/2007			0	0.0	0.0		0.0	0.0	0.0
11	2254801022273	Nguyễn Duy Khánh	12/10/1998			0	0.0	0.0		0.0	0.0	0.0
12	2254801022274	Trương Nguyễn Khoa	29/11/2007			8	6.0	7.0		4.0		5.1
13	2254801022275	Lê Quang Anh Kiệt	14/04/2007			0	0.0	0.0		0.0	0.0	0.0
14	2254801022276	Lê Bảo Kỳ	10/11/2007			0	0.0	0.0		0.0	0.0	0.0
15	2254801022277	Đỗ Văn Nam	08/09/2007			8	7.0	7.0		5.0		5.9
16	2254801022278	Lê Hào Nam	11/11/2006			8	6.0	7.0		4.0		5.1
17	2254801022279	Đào Duy Phát	24/08/2007			8	6.0	7.0		5.0		5.7
18	2254801022280	Vũ Minh Phát	15/11/2007			8	6.0	7.0		5.0		5.7
19	2254801022281	Lê Thanh Phúc	10/07/2007			8	6.0	7.0		4.0		5.1
20	2254801022282	Mohamad Fa Shol	22/08/2005			8	7.0	7.0		4.0		5.3
21	2254801022283	Lê Dân Thông	09/09/2006			0	0.0	0.0		0.0	0.0	0.0
22	2254801022284	Nguyễn Hữu Tín	22/02/2007			8	6.0	7.0		4.5		5.4
23	2254801022285	Nguyễn Nhựt Trường	02/10/2007			8	7.0	7.0		6.0		6.5
24	2254801022286	Nguyễn Công Tuấn Tú	02/05/2007			8	7.0	7.0		5.0		5.9
25	2254801022287	Trần Đức Thiên Tường	01/01/2007			8	6.0	7.0		6.0		6.3
26	2254801022288	Trịnh Quang Vinh	22/03/2005			9	7.0	7.0		7.0		7.2
27	2254801022289	Trần Tuấn Vỹ	09/11/2007			8	6.0	7.0		4.5		5.4
28	2254801022290	Nguyễn Thành Kiên	15/07/2003			0	0.0	0.0		0.0	0.0	0.0
29	2254801022291	Trần Hoàng Tín	29/09/2003			8	7.0	7.0		5.5		6.2

STT	MSHS	Họ tên	Ngày sinh	Hệ số 1	Hệ số 2	ThiL1	ThiL2	ĐMH/ MĐ
-----	------	--------	-----------	---------	---------	-------	-------	------------

Châu Đốc, ngày 7 tháng 12 năm 2022

TP. Đào tạo

Giáo viên giảng dạy

Ths. Trần Thanh Dũng

Phạm Văn Nhã